TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ GIANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thế Phong.

2. Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mồng Thu Hường, Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang tham gia phiên toà:

Bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị M; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; căn cước công dân số: yyyyyyyyyyyy.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *đều vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 17/6/2024 và và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị M và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 12/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 03 năm trở lại đây, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung; hai bên gia đình đã đứng ra hòa giải nhưng không thành. Chị M đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị Mai Thị M và anh Nguyễn Văn T có một con chung là cháu Nguyễn Nhật M, giới tính: Nam, sinh ngày 18/3/2015. Sau khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Nhật M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Nguyễn Văn T; tuy nhiên anh Nguyễn Văn T không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị M, xử cho chị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung, căn cứ mức thu nhập của chị M và nguyện vọng của cháu M, xử giao cháu Nguyễn Nhật M cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị M không yêu cầu về cấp dưỡng, không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn chị Mai Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị Mai Thị M khởi kiện bị đơn anh Nguyễn Văn T về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố H, tỉnh Hà Giang nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

[2] Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Văn T không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không thực hiện quyền và nghĩa vụ

cung cấp tài liệu, chứng cứ và chứng minh. Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Phía nguyên đơn chị Mai Thị M đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị M và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 12/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; việc kết hôn đáp ứng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Tại Biên bản xác minh ngày 05/9/2024, ông Phạm Văn T, trưởng thôn T, xã N, thành phố H (nơi chị M, anh T tạm trú) xác nhận chị M và anh T có cư trú tại thôn T, thôn không nắm được mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật căn cứ vào mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

[5] Tại Biên bản xác minh ngày 05/9/2024, bà Hoàng Thị H là mẹ đẻ của chị Mai Thị M xác nhận: Trong khoảng thời gian 03 năm trở lại đây, vợ chồng chị M anh T thường xuyên xảy ra xích mích, mâu thuẫn; hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành. Từ cuối năm 2022, chị M và cháu Nguyễn Nhật M đã chuyển về nhà bà Hoàng Thị H sinh sống cho đến nay. Trong thời gian mẹ con chị M chuyển về nhà ở, bà H không thấy anh T đến đón hai mẹ con về. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Tại Biên bản tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, đại diện Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố Hà Giang đều đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Mai Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Đối với các yêu cầu khác của chị M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

[7] Xét thấy chị M và anh T đã ly thân từ năm 2022, không còn cùng chung sống, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng anh T không có mặt, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T. Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ các điều 19 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị M về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[8] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T không phản đối nguyện vọng được nuôi con chung của chị Mai Thị M. Xét thấy: Chị M và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 18/3/2015, hiện nay cháu M đang sống cùng với chị M. Theo lời khai của chị M và Biên bản xác minh ngày 05/9/2024 tại nơi làm việc của chị M, mức thu nhập hàng tháng của chị M hiện nay là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Tại Biên bản ghi ý kiến của cháu Nguyễn Nhật M ngày 12/9/2024, cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, căn cứ điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị M, giao cho chị Mai Thị M được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Nhật M để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của cháu M cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu M. Chị M không có yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng, xét thấy chị M có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật M, việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Mai Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T không tham gia tố tụng, không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Mai Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình không có giá ngạch theo quy định.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 8, 19, 51, 56, 57, 58, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 4 và 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Mai Thị M ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

1.2. Về con chung: Giao cho chị Mai Thị M được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 18/3/2015. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Chị Mai Thị M không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Mai Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch số tiền là **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Mai Thị M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000429 ngày 03/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Xác nhận chị Mai Thị M đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Hà Giang;
- UBND xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Khánh Phương